

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2025

*“V/v: Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh và bà Mai Thanh Huyền;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1994,
Số CCCD: 044094004442 cấp ngày 03/04/2021 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1995,
Số CCCD: 044195007917 cấp ngày 11/08/2021 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có ý kiến xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Văn T trình bày: anh và chị Hoàng Thị N tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 23/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn X, xã T, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và hòa thuận nhưng từ năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do áp lực gánh nặng kinh tế mà không có sự chia sẻ đồng cảm. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung*

trong quản điểm sống và cách nuôi dạy con cái, khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên nội ngoại đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 10/02/2023 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T nhận thấy bản thân đã hết tình cảm vợ chồng, cuộc hôn nhân không thể kéo dài nên anh T xin ly hôn chị Hoàng Thị N. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 23/7/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, khi ly hôn, anh T có nguyện vọng giao con cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày:* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn T kết hôn tự nguyện hợp pháp tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 23/11/2017. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân 7 năm không còn tình cảm. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh Ngô Văn T có 01 con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 23/7/2018. Nguyện vọng ly hôn chị xin nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì sức khỏe không đảm bảo hay ốm đau nên chị đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung tranh chấp: Áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn anh Ngô Văn T xử cho anh T được ly hôn chị N; về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Anh T1 nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con. Anh Ngô Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) việc cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, nguyên đơn anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chị N có nơi đăng ký cư trú tại thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn chị Hoàng Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hiện nay chị N vẫn đang làm ăn sinh sống địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của anh T và chị N thì anh T, chị N đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, tỉnh Quảng Trị (cũ là UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 23/11/2017, do đó hôn nhân giữa chị anh T và chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, về sau giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, thiếu sự tin tưởng lẫn về tình cảm và kinh tế gia đình nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả anh T và chị N đều xác nhận tình cảm vợ chồng thực sự không còn và đề nghị xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh T và chị N đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Anh T1, sinh ngày 23/7/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng, chị N đồng ý với yêu cầu của anh T (Theo nội dung biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2025). Con chung Ngô Anh T1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn (theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng con). Xét thấy, từ khi vợ chồng chị N, anh T ly thân, con chung

đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm tạo sự ổn định trong cuộc sống của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng là phù hợp nguyện vọng của các đương sự, của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Văn T và chị Hoàng Thị N đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Ngô Văn T và chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao Ngô Văn Tình tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; .

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Văn T và chị Hoàng Thị N.

2. Về nuôi con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận giao con Ngô Anh T1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ngô Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) việc cấp dưỡng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, anh T, chị N đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Văn T và chị Hoàng Thị N đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Anh Ngô Văn T và chị Hoàng Thị N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh T thoả thuận chịu thay án phí cho chị N. Anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Tổng án phí anh T phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000931 ngày 16/10/2025. Anh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- TÒA**
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trường Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Châu Mạnh Cường